

Bản án số: 30/2020/HSST

Ngày: 13/5/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2020/TLST-HS, ngày 06 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HS, ngày 20 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

* Trần Thị N, sinh năm 1971; tại Vĩnh Long; nơi cư trú số N, khóm T, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, hiện đang sinh sống tại số B, khóm T, Phường, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P; bị cáo có chồng và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Nguyễn Đức H, sinh năm 1954; nơi cư trú số B, khóm T, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

* Người làm chứng: Võ Thanh T; nơi cư trú số S, Đường M, khóm H, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long có thụ lý vụ án dân sự số 132/2016/TLDS-ST, ngày 05/10/2016 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa các đương sự: Nguyên đơn là Nguyễn Đức H, nơi cư trú số B, ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; bị đơn là Trần Thị N, nơi cư trú số B, ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Bùi Thị M, nơi cư trú số B, ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long và Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long, địa chỉ số 79, Đường 30/4, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Nội dung vụ án dân sự như sau:

- Theo đơn khởi kiện của ông H thì vào năm 1994, ông H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Trần Văn An thửa số 361, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại ấp T, xã T (nay là Phường T), thành phố V, đến năm 2004 thì ông được Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với diện tích nhận chuyển nhượng là 176,2m², đến năm 2014 ông được Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo chương trình Vlap có thửa số 02, tờ bản đồ 17, diện tích 169,2m², tọa lạc tại số B, ấp T, xã T, thành phố Vĩnh Long;

Thửa đất ông H nhận chuyển nhượng có nguồn gốc của Đoàn 558 thuộc Quân khu 9 đã bán hóa giá cho ông An, thời điểm này ông An là giáo viên Trường dạy nghề Quân khu 9. Năm 1994 ông An chuyển công tác về thành phố Hồ Chí Minh không còn nhu cầu sử dụng đất nên chuyển nhượng nhà đất này cho ông H. Hiện nay, thửa đất ông bị bà N lấn chiếm diện tích 22,9m², vị trí lấn chiếm là phía sau thửa đất, trên phần đất lấn chiếm bà N đã xây tường rào bê tông kiên cố, ngoài ra không có công trình, vật kiến trúc hay cây trồng nào khác; ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải trả lại phần đất lấn chiếm 22,9m² theo kết quả đo đạc do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long cung cấp. Đối với hàng rào bà N tự ý lấn chiếm xây dựng trên phần đất của ông thì phải tháo dỡ trả lại đất cho ông.

- Ý kiến của bị đơn Trần Thị N trong quá trình giải quyết vụ án: Bà không có lấn chiếm đất của ông H, ông H được Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/11/2014 là không hợp pháp, vì Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long xác định đất do Quân khu hóa giá mà Quân khu thì không có thẩm quyền bán hóa giá nhà đất nên bán hóa giá là không đúng. Vì vậy, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H đòi trả lại đất và tháo dỡ hàng rào. Ngoài ra, bà có yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long đã cấp cho ông H số BN 506852 thửa số 02, tờ bản đồ 17, diện tích 169,2m² tọa lạc tại số B, ấp T, xã T, thành phố V vì việc cấp giấy chứng nhận này là sai quy định.

- Ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long (theo văn bản số 1500/UBND-NC, ngày 02/8/2018): Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 506852 thửa số 02, tờ bản đồ 17, diện tích 169,2m², tọa lạc tại số B, ấp T, xã T, thành phố V cho ông H là đúng quy định pháp luật. Đối với ranh giới phía sau (hướng nam) giáp công quy hoạch không giáp đất bà N nên không phải ký xác nhận ranh đất.

Ngày 24/9/2019, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, địa chỉ số 42, đường Phạm Thái Bường, Phường 4, thành phố Vĩnh Long với thành phần Hội đồng xét xử gồm: Thẩm phán Võ Thị Mỹ D - Chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị P và ông Nguyễn Văn C; thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim D; đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là ông Nguyễn Chí C.

Đến khoảng 08 giờ bắt đầu mở phiên tòa, những người được Tòa án triệu tập đến phiên tòa có mặt tại phiên tòa gồm: Nguyễn Đức H (nguyên đơn), Trần Thị N (bị đơn), Luật sư Lôi Thị D là đại diện theo ủy quyền của N; vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị M và Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long. Khi chuẩn bị bắt đầu phiên tòa Thư ký Lê Kim D phổ biến đầy đủ nội quy phiên tòa theo quy định tại Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong lúc Thư ký phiên tòa phổ biến nội quy bà N có lời nói lớn tiếng làm mất trật tự nên được lực lượng hỗ trợ trụ pháp thuộc Công an thành phố Vĩnh Long bảo vệ phiên tòa nhắc nhở. Sau đó, Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên vào phòng xử án tiến hành phiên tòa, sau khi Hội đồng xét xử thực hiện trình tự, thủ tục bắt đầu phiên tòa thì bà Lôi Thị D có yêu cầu hoãn phiên tòa để triệu tập Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long, Ủy ban nhân dân xã Tân Ngãi và Quân khu 9 có mặt tại phiên tòa để đối chất với bà N về việc đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người liên quan, tiếp theo ý kiến của bà Lôi Thị D thì Trần Thị N cũng có yêu cầu hoãn phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên và nguyên đơn đối với yêu cầu hoãn phiên tòa của bị đơn Hội đồng xét xử tuyên bố vào phòng nghị án để thảo luận.

Khi Hội đồng xét xử vừa vào phòng nghị án thì Trần Thị N bắt đầu thực hiện hành vi gây rối, làm mất trật tự tại phiên tòa, cụ thể: N quay mặt về phía ông H và chỉ vào mặt ông H, liên tục la hét, dùng lời thô thiển chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm ông H, như *“H! mày ngu lắm; tổ tiên ông bà mày nhục nhã lắm vì trên này cướp đất của tao mà mày còn la làng...”*, sau đó N vỗ bàn, nhiều lần xông đến vị trí ông H để đánh thì được lực lượng cảnh sát bảo vệ phiên tòa can ngăn, không đánh được thì N tiếp tục la hét, chửi bới gây mất trật tự trong phòng xử án. Sau đó, Hội đồng xét xử trở lại phòng xử án tiếp tục xét xử, chủ tọa yêu cầu giữ trật tự nhưng N không chấp hành mà vẫn la hét, khi nghe Hội đồng xét xử tuyên bố tiếp tục xét xử vụ án, không chấp nhận hoãn phiên tòa thì N tiếp tục la hét, chửi bới mức độ lớn tiếng hơn và lấy chiếc dép đang mang cầm trên tay chỉ và quơ về phía Hội đồng xét xử, vừa chỉ vừa la hét *“Yêu cầu Hội đồng xét xử xử công bằng...”*, sau đó quay về phía ông H tiếp tục chửi và xông đến định đánh ông H thì được lực lượng bảo vệ phiên tòa ngăn

cản. Không đánh được ông H nên N tiếp tục la hét, vỗ bàn rồi xông đến vị trí Kiểm sát viên Nguyễn Chí C vỗ bàn, kéo ghế ngồi của Kiểm sát viên về phía sau thì được lực lượng bảo vệ phiên tòa và lực lượng cảnh sát cơ động đến hỗ trợ kịp thời ngăn cản hành vi của N. Sau đó bị cáo N tự ý rời phòng xử án cùng bà Lôi Thị D và tự ý bỏ về không tiếp tục tham gia phiên tòa, khi ra khỏi phòng xử án Trần Thị N tiếp tục la hét “*Tòa án xét xử không công bằng cho dân; Bác Hồ xử công bằng cho dân nhưng sao để bà Thẩm phán này xử không công bằng cho dân...*”. Do bị cáo N tiếp tục la hét, chửi bới gây mất trật tự nên Công an Phường 4, thành phố Vĩnh Long mời về trụ sở làm việc. Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và tuyên án cùng ngày (Bản án số 109/2019/DS-ST).

Tại cáo trạng số: 32/CT-VKSND-TPVL, ngày 01/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Trần Thị N về tội “*Gây rối trật tự phiên tòa*” theo quy định tại khoản 1 Điều 391 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bị cáo Trần Thị N thừa nhận các lời khai trong quá trình điều tra là do bị cáo tự khai và khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã nêu; bị cáo đã thấy được lỗi của mình, hứa không tái phạm và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở lời nói sau cùng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm và khẳng định nội dung cáo trạng truy tố bị cáo Trần Thị N là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo N phạm tội “*Gây rối trật tự phiên tòa*”; áp dụng khoản 1 Điều 391; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo mức án tù 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo Trần Thị N nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố Vĩnh Long, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời trình bày và khai nhận tội của bị cáo Trần Thị N tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, khoảng 08 giờ ngày 24/9/2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, số 42, đường Phạm Thái Bường, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo Trần Thị N tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án dân sự tranh chấp về “*Quyền sử dụng đất*” đối với nguyên đơn Nguyễn Đức H. Trong lúc Hội đồng xét xử vào phòng nghị án thảo luận để xem xét yêu cầu hoãn phiên tòa của bị cáo, thì bị cáo có hành vi la hét, dùng lời lẽ thô thiển chửi nguyên đơn; nhiều lần dùng tay đập bàn, xông đến định đánh ông H nhưng được lực lượng bảo vệ phiên tòa ngăn cản. Đến khi Hội đồng xét xử trở lại phòng xử án thì bị cáo vẫn còn la hét, chửi ông H; không chấp hành sự điều khiển của Chủ tọa phiên tòa; Chủ tọa phiên tòa tuyên bố không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa thì bị cáo càng la hét lớn tiếng hơn, tay cầm dép chỉ chỏ về phía Hội đồng xét xử và la hét “*Hội đồng xét xử không công bằng*”, tiếp tục quay sang chửi ông H, xông đến đánh nhưng đều được lực lượng bảo vệ ngăn cản; bị cáo tiếp tục đến kéo ghế ngồi của Kiểm sát viên đang tham gia phiên tòa. Việc gây rối kéo dài khoảng 20 phút làm cho Hội đồng xét xử không thể tiến hành xét xử, đến khi bị cáo tự rời khỏi phòng xử án thì Hội đồng xét xử mới tiếp tục xét xử được. Hành vi của bị cáo đã xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và người tham gia tố tụng, do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Gây rối trật tự phiên tòa*” quy định tại khoản 1 Điều 391 của Bộ luật Hình sự mà cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã đề nghị truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan xét xử; hành vi của bị cáo còn gây mất an ninh trật tự tại Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long; gây hoang mang, bức xúc của những người tham dự phiên tòa, bị xã hội lên án và pháp luật nghiêm cấm. Bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đã nhận thức được hành vi mà mình thực hiện là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp sự điều khiển của Chủ tọa phiên tòa và sự can ngăn của lực lượng bảo vệ phiên tòa, nhằm thỏa mãn cơn tức giận của bị cáo. Điều đó nói lên sự xem thường pháp luật của bị cáo, do đó cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã

hội, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo thì mới có tác dụng răn đe, giáo dục cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, thấy được hành vi sai trái của mình mà tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi chồng bị khuyết tật và con đang đi học phổ thông, cho nên, có đủ cơ sở cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cần giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt và xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; cho nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, có thời gian thử thách cũng đủ răn đe và giáo dục cho bị cáo sau này.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thị N phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị N phạm tội “Gây rối trật tự phiên tòa”.

Áp dụng khoản 1 Điều 391; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị N 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án (13/5/2020).

Giao bị cáo Trần Thị N cho Ủy ban nhân dân xã Tân Ngãi (nay là phường Tân Ngãi), thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Thị N nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án; 02 bản
- Trại giam Công an TPVL; 01 bản
- Tòa án Tỉnh; 01 bản
- Viện kiểm sát ND tỉnh VL; 01 bản
- Công an thành phố Vĩnh Long; 01 bản
- Viện kiểm sát ND TPVL; 01 bản
- Chi cục Thi hành án DS TPVL; 01 bản
- Cơ quan THA HS Công an TPVL; 01 bản
- Sở Tư pháp Vĩnh Long; 01 bản
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh VL; 01 bản
- UBND phường Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; 01 bản
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Tấn Thành